

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/DS-ST

Ngày 19 - 6 - 2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều
2. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 05/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-DS ngày 02/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 15, ấp Cần T, xã Cần Đ, huyện C, An Giang.

2. Bị đơn: 2.1- Chị Lâm Ngọc T, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

2.2- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 32, ấp Cần T, xã Cần Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 27/12/2018 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc B trình bày:

Do chỗ quen biết với nhau nên chị có cho vợ, chồng chị Lâm Ngọc T, anh Nguyễn Văn Đ vay mượn tiền nhiều lần cụ thể:

Vào ngày 04/9/2018 vay số tiền 10.000.000 đồng;

Vào ngày 05/9/2018 vay số tiền 5.000.000 đồng;

Vào ngày 20/9/2018 vay số tiền 5.000.000 đồng;

Vào ngày 13/10/2018 buổi sáng vay số tiền 10.000.000 đồng;

Vào ngày 13/10/2018 buổi chiều vay số tiền 10.000.000 đồng.

Lãi suất thỏa thuận khi nào trả tiền lãi thì tính cụ thể, thời hạn vay trong vòng 10 ngày, mục đích chị T, anh Đ vay tiền để bổ sung vốn mua bán và đảo hạn nợ vay, các lần vay tiền chị T đều có viết biên nhận nợ. Từ khi vay tiền cho đến nay chị T, anh Đ không nộp lãi và cũng không trả vốn cho chị. Hiện tại chị T, anh Đ còn nợ tiền vay của chị là 40.000.000 đồng.

Ngoài ra chị T, anh Đ còn bán cho chị một phần hụi 300.000 đồng, hụi mỗi tuần khui 01 lần, đây hụi có 40 phần, hụi khui lần đầu vào ngày 13/9/2018 âm lịch, chị T hốt hụi lần đầu. Sau khi chị T bán phần hụi và nhận đủ tiền thì chị T có châu hụi chết được 02 lần thì không châu nữa. Hiện tại chị T, anh Đ còn nợ tiền hụi là 9.900.000 đồng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị T, anh Đ phải trả nợ tiền vay và tiền hụi 1 lần tổng cộng số tiền là 49.900.000đ (Bốn mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Thời gian tính lãi từ ngày 03/12/2018 cho đến khi xét xử.

Đối với chị Lâm Ngọc T, anh Nguyễn Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Châu Thành có tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị T, anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nào gọi Tòa án cho biết ý kiến về việc khởi kiện của phía nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Lâm Ngọc T, anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T, anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Đ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa hôm nay, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu chị T, anh Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị 1 lần số tiền là 49.900.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Thời gian tính lãi từ ngày 03/12/2018 cho đến khi xét xử.

Mối quan hệ hợp đồng vay tài sản và góp hụi giữa chị B với chị T, anh Đ trên thực tế có xảy ra, sự việc được chứng minh qua các tờ biên nhận nợ lập ngày 04/9/2018, ngày 05/9/2018, ngày 20/9/2018, ngày 13/10/2018, ngày 13/10/2018 và tại biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2019 bà Trần Thị P là người chứng kiến trong việc mua bán hụi giữa chị B với chị T. Bà P cho biết, chữ ký tên trong giấy mua bán hụi do bà B cung cấp, đúng là chữ ký tên và ghi họ tên Trần Thị P là do bà tự nguyện ký tên và ghi họ tên, bà P là người trực tiếp chứng kiến việc giao dịch mua bán hụi và giao nhận tiền hụi giữa bà Bích với chị T.

Đối với các biên nhận nợ bà B cung cấp chỉ có chữ ký tên và ghi họ tên của chị T, không có chữ ký tên và ghi họ tên của anh Đ. Tuy nhiên, theo trình bày của chị B thì chị T, anh Đ là vợ chồng hợp pháp, việc chị T vay tiền và hốt hụi để bổ sung vốn mua bán và đáo hạn nợ vay để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, anh Đ phải chịu trách nhiệm liên đới với chị T trả nợ cho chị B là hoàn toàn phù hợp.

Xét thấy, trong mối quan hệ vay tài sản và góp hụi phía bị đơn là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là nộp lãi đúng định kỳ và trả vốn khi đến hạn. Việc vi phạm này đã ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn chị B. Buộc phía bị đơn chị T, anh Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị B 1 lần số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền hụi 9.900.000 đồng. Tổng cộng: 49.900.000 đồng (Bốn mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng) và tính lãi suất của số tiền vốn vay 40.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 03/12/2018 là hoàn toàn phù hợp.

Tính lãi từ ngày 03/12/2018 đến ngày 19/6/2019 là 18 tháng 15 ngày.

+ Vốn 40.000.000đ x 0,83% x 18 tháng 15 ngày = 6.142.000đ

+ Vốn 40.000.000đ + lãi 6.142.000đ = 46.142.000đ

Như vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên và buộc chị Lâm Ngọc T, anh Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Ngọc B số tiền vay 46.142.000 đồng + tiền hụi 9.900.000 đồng. Tổng cộng: 56.042.000 đồng.

Về án phí: Chị Lâm Ngọc T, anh Nguyễn Văn Đ cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị Ngọc B được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc B.

Buộc chị Lâm Ngọc T, anh Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Ngọc B số tiền 56.042.000 đồng (Năm mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Lâm Ngọc T, anh Nguyễn Văn Đ cùng phải chịu 2.802.000đ (Hai triệu tám trăm lẻ hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Ngọc B được nhận lại số tiền 1.247.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0014026 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Báo cho chị B được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/6/2019). Chị T, anh Đ được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV – THA tỉnh;
- CCTHA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thám

